

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 26-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Phương;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

NDH, sinh năm 1967, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 16/19/346 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà E (đã chết); gia đình có tám anh chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là F, sinh năm 1968 (đã ly hôn); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 21-01-2022, đến ngày 27-01-2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Chị BH; trú tại: Số 8/69 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị NLC; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ ngày 20-01-2022, NDH vào cửa hàng J; địa chỉ: Số BH 0311 K, Khu đô thị L, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng để nộp tiền điện. Sau khi không đóng được tiền điện do máy bị lỗi, NDH thấy 01 điện thoại di động hiệu

iPhone 11 Promax trên mặt quầy thanh toán của chị BHNên nảy sinh ý định chiếm đoạt. NDH lợi dụng lúc chị BH không để ý đã dùng tay phải cầm chiếc điện thoại đi ra khỏi cửa hàng. Sau đó, chị BH đi tìm điện thoại của mình nhưng không thấy nên đã dùng điện thoại bàn của cửa hàng gọi vào số điện thoại của mình. Cùng lúc này, chị NLC là cửa hàng trưởng phát hiện chuông điện thoại reo ở hướng NDH nên đuổi theo và yêu cầu NDH trả lại điện thoại cho chị BH. Sau khi trả lại điện thoại, NDH đã đến Công an phường H đầu thú và khai báo toàn bộ về hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 21-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận I kết luận: *“01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, số máy: MWG22LL/A, màu xám, bộ nhớ trong 64 GB, số Imei: 353906106288287 có trị giá 10.080.000 đồng”*.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định tại Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị BH đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường và cũng không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên không xem xét giải quyết. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Việc nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các biên bản ghi lời khai của bị hại, người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 21-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận I và vật chứng đã thu giữ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở lúc bị hại không để ý, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax trị giá 10.080.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an chung. Vì vậy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là cần thiết.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo có thời gian tham gia quân đội và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như phân tích, đánh giá tại Mục [6]. Bởi vậy, có căn cứ để chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo cải tạo tại xã hội, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình giám sát, giáo dục. Như vậy, là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có việc làm ổn định, không chứng minh được bị cáo có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: NDH12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngàytuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo NDHcho Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo NDH.

Căn cứ vào o khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết của UBTV Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- UBND phường B,
C, Hải Phòng;
- THA Hình sự, Dân sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền